

TP. Hồ Chí Minh, ngày .29 tháng 08 năm 2017

Số: 570 /2017/CV-CK-SGW.FI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483

Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

Chênh lệch số liệu trên Báo cáo Lưu Chuyển Tiền tệ:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
Chi phí lãi vay	06	50.062.919.278	49.783.045.421	(279.873.857)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	111.302.500.724	111.245.016.313	(57.484.411)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.854.908.176	108.183.212.115	97.328.303.939
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.437.431.557)	(38.211.182.700)	226.248.857
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(89.029.756.013)	(176.419.644.707)	(87.389.888.694)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	10.836.529.826	1.009.223.992	(9.827.305.834)

Nguyên nhân chênh lệch:

Tại thời điểm Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn công bố BCTC Quý 2 năm 2017 do công ty lập thì chưa có kiểm toán.

Tại thời điểm kiểm toán, quan điểm của kiểm toán cho rằng phải phân loại lại các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ để phản ánh đúng dòng tiền của các hoạt động. Công ty nhận thấy quan điểm của kiểm toán là hợp lý nên đã thực hiện phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng lưu chuyển tiền tệ nên có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán nêu trên.



Việc phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng lưu chuyển tiền tệ nêu trên không làm ảnh hưởng đến số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của Công ty.

Trân trọng báo cáo.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Khắc Hoàng

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên (từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)
Ông Luis Juan Belisario Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietsnam.com.vn Website: www.ifcvietsnam.com.vn

Số: 31.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		567.722.474.012	818.541.056.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	232.481.791.436	377.729.642.390
1. Tiền	111		137.481.791.436	377.729.642.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.969.028.868	278.418.967.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.686.601.645	3.033.256.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	884.390.210	131.785.534.931
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	99.918.080.000	99.918.080.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	50.521.103.248	43.723.242.253
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.146.235)	(41.146.235)
III. Hàng tồn kho	140	10	5.588.543.965	4.794.838.760
1. Hàng tồn kho	141		5.588.543.965	4.794.838.760
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		173.683.109.743	157.597.608.002
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	7.655.367.284	140.608.567
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		166.027.742.459	157.456.999.435
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.956.046.687.657	2.621.882.274.175
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		144.245.510.800	141.668.815.864
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	144.245.510.800	141.668.815.864
II. Tài sản cố định	220		1.329.602.694.348	11.330.933.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.321.242.850.381	2.612.857.190
- Nguyên giá	222		1.347.387.141.239	4.864.688.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.144.290.858)	(2.251.831.359)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.359.843.967	8.718.076.541
- Nguyên giá	228		9.031.971.145	8.941.616.965
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(672.127.178)	(223.540.424)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		363.482.876.788	1.617.065.927.645
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	363.482.876.788	1.617.065.927.645
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	1.115.235.096.261	833.579.596.261
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	801.137.112.650	498.046.112.650
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252	15.b	119.659.788.611	141.095.288.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	194.438.195.000	194.438.195.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.480.509.460	18.237.000.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	3.480.509.460	18.237.000.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.523.769.161.669	3.440.423.330.879

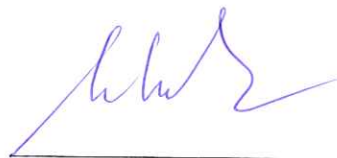
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.527.610.014.438	2.536.587.712.182
I. Nợ ngắn hạn	310		215.877.578.724	304.564.450.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	109.294.952.953	195.270.666.330
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	17	261.584.663	262.180.793
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	14.477.203.014	15.652.871.854
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	878.348.622	1.245.974.378
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	87.580.714.286	88.260.238.095
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.384.775.186	3.872.518.827
II. Nợ dài hạn	330		2.311.732.435.714	2.232.023.261.905
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	540.000.000.000	600.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	800.000.000.000	630.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	971.732.435.714	1.002.023.261.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		996.159.147.231	903.835.618.697
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	996.159.147.231	903.835.618.697
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.160.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		645.160.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162.330.434.000	119.923.034.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.967.111.246	8.292.910.776
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		178.701.601.985	191.919.673.921
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		188.571.272.981	62.754.207.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
kỳ này	421b		(9.869.670.996)	129.165.466.334
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.523.769.160.669	3.440.423.330.879



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	10.038.755.337	3.968.938.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.038.755.337	3.968.938.874
4. Giá vốn hàng bán	11	24	32.321.337.251	3.747.834.701
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(22.282.581.914)	221.104.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	18.056.349.826	143.813.701.054
7. Chi phí tài chính	22	26	50.494.742.044	2.255.110.652
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.783.045.421	2.188.888.888
8. Chi phí bán hàng	25	27	2.849.468.645	1.417.944.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.877.755.686	5.743.024.495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(69.448.198.463)	134.618.725.175
11. Thu nhập khác	31	29	60.004.410.182	93.383.876
12. Chi phí khác	32		425.882.715	93.383.636
13. Lợi nhuận khác	40		59.578.527.467	240
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.869.670.996)	134.618.725.415
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.869.670.996)	134.618.725.415

Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(9.869.670.996)	134.618.725.415
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	24.341.046.253	339.186.166
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.056.349.826)	(143.813.701.054)
Chi phí lãi vay	06	49.783.045.421	2.188.888.888
Các khoản điều chỉnh khác	07	229.650.000	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	46.427.720.852	(6.666.900.585)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	111.245.016.313	(48.193.890.569)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(793.705.205)	(1.685.206.308)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	108.183.212.115	(366.455.144)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	7.241.732.497	(361.092.941)
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.211.182.700)	(20.847.596.694)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.161.944.111)	(1.889.444.444)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	231.930.849.761	(80.010.586.685)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(176.419.644.707)	(63.555.110.869)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(303.091.000.000)	(7.342.300.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.655.320.000	44.008.160.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.009.223.992	8.696.290.222
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(449.846.100.715)	(18.192.960.647)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.867.400.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(31.200.000.000)	(60.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	72.667.400.000	(60.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(145.247.850.954)	(158.203.547.332)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	377.729.642.390	275.715.059.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	232.481.791.436	117.511.512.640

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ (mã số 25) là số tiền đã chi đầu tư mua cổ phần và góp vốn vào các công ty con, chủ yếu là Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (xem thêm tại thuyết minh số 14.a).

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ (mã số 26) là khoản tiền Công ty thu được từ nghiệp vụ thanh lý công ty liên kết - Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Dòng tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu trong kỳ (mã số 31) là khoản tiền Công ty thu được từ việc phát hành bổ sung cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (xem thêm tại thuyết minh số 21).



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 VND, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“gọi tắt là Công ty CII”) với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính) và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ

Ngày 3 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, vốn điều lệ là 240 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty đã góp 170 tỷ vốn điều lệ.

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận sở cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 1.432.900 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào chín (09) công ty con và một (01) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Các công ty được đầu tư trực tiếp bởi Công ty:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty TNHH Cấp thoát Nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	77,00%	77,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai (*)	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (**)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	70,83%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Các công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
----------------------------------	-----------------	-----	-----	-----------------------------------

(*) Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai chính thức là công ty con của Công ty vào ngày 5 tháng 1 năm 2017.

(**) Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

Công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	Tp. Cần Thơ	31,21%	34,59%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại ngày báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	460.463.550	107.451.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	137.021.327.886	377.622.191.094
Các khoản tương đương tiền (i)	95.000.000.000	-
Cộng	232.481.791.436	377.729.642.390

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	3.537.329.640	1.670.982.540
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	388.700.298	388.700.298
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	156.582.472	156.582.472
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	12.843.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	693.071.000
Các khoản phải thu khác	41.146.235	123.920.293
Cộng	4.686.601.645	3.033.256.603

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	388.700.298	388.700.298
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	12.843.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	550.000.000	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI HẠN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công Chánh	234.657.823	1.367.968.915
Công ty TNHH Xông Pha	207.853.800	-
Công ty Cổ phần Win Way Việt Nam	129.206.000	-
Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai	-	121.176.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nước và môi trường Đại Việt	-	3.998.902.128
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Thiên Phú	-	2.082.381.586
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	1.629.771.952
Các đối tượng khác	312.672.587	1.530.510.350
Cộng	884.390.210	131.785.534.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (i)	95.918.080.000	95.918.080.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	99.918.080.000	99.918.080.000
<i>Trong đó, Phải thu khác với bên liên quan</i>		
Phải thu Công ty con - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (i)	95.918.080.000	95.918.080.000

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 8 tháng 5 năm 2015, Công ty đồng ý cho Công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (gọi tắt là “Công ty Enviro”) vay để mua cổ phần của Công ty CP Cấp nước Cần Thơ. Theo phụ lục Hợp đồng ngày 1 tháng 1 năm 2017, lãi suất cho vay được điều chỉnh xuống 0% và toàn bộ cổ tức Công ty Enviro nhận được từ khoản đầu tư này sẽ được chuyển cho Công ty.

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>a. Ngắn hạn</i>		
Phải thu tiền lãi cho vay	32.565.889.621	13.927.441.342
Phải thu về cổ tức	7.364.052.000	431.750.000
Phải thu từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	4.839.160.575	23.160.462.296
Phải thu các khoản chi hộ	1.992.441.000	1.992.441.000
Tạm ứng cho nhân viên	2.563.339.688	2.280.997.422
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.018.400.000	1.018.400.000
Các khoản phải thu khác	177.820.364	911.750.193
Cộng	50.521.103.248	43.723.242.253
<i>b. Phải thu dài hạn khác</i>		
Phải thu từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	141.295.510.800	141.295.510.800
Khoản hỗ trợ vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	2.950.000.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	373.305.064
Cộng	144.245.510.800	141.668.815.864

(i) Số dư phải thu Công ty CII tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoản phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Theo biên bản thỏa thuận ngày 3 tháng 11 năm 2016, tổng giá trị chuyển nhượng là 282.591.021.600 VND. Công ty CII đã thanh toán 50% năm 2016, 50% còn lại sẽ được thanh toán trước ngày 31 tháng 8 năm 2018. Theo phụ lục hợp đồng ngày 21 tháng 4 năm 2017, kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017, Công ty CII phải Thanh toán lãi chậm trả theo lãi suất cho vay tại Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 11, lãi suất cho vay tại thời điểm ký phụ lục là 9,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	4.457.880.942		3.661.010.065	
Công cụ, dụng cụ	45.402.427		48.568.099	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	988.345.296	-	988.345.296	-
+ Dự án giảm thất thoát mạng lưới cấp mức Tp. Tân An - tỉnh Long An	988.345.296	-	988.345.296	-
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Cộng	5.588.543.965	-	4.794.838.760	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn I	7.533.598.041	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.157.237	140.608.567
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	117.612.006	-
Cộng	7.655.367.284	140.608.567
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn I	-	15.067.196.083
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.480.509.460	3.140.092.542
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	29.712.049
Cộng	3.480.509.460	18.237.000.674

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	-	4.729.688.549	135.000.000	4.864.688.549
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong kỳ	96.534.432.481	1.245.633.020.209	-	1.342.167.452.690
Mua trong kỳ	-	-	355.000.000	355.000.000
Tại ngày 30/06/2017	96.534.432.481	1.250.362.708.758	490.000.000	1.347.387.141.239
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	-	2.221.831.359	30.000.000	2.251.831.359
Khấu hao trong kỳ	2.413.360.812	21.440.619.164	38.479.523	23.892.459.499
Tại ngày 30/06/2017	2.413.360.812	23.662.450.523	68.479.523	26.144.290.858
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	-	2.507.857.190	105.000.000	2.612.857.190
Tại ngày 30/06/2017	94.121.071.669	1.226.700.258.235	421.520.477	1.321.242.850.381

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.086.624.916 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 1.086.624.916 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	8.941.616.965
Mua trong kỳ	90.354.180
Tại ngày 30/06/2017	<u>9.031.971.145</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	223.540.424
Khấu hao trong kỳ	448.586.754
Tại ngày 30/06/2017	<u>672.127.178</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	8.718.076.541
Tại ngày 30/06/2017	<u>8.359.843.967</u>

14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i)	363.482.876.788	1.610.967.314.710
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện An Khê (ii)	-	6.098.612.935
Cộng	<u>363.482.876.788</u>	<u>1.617.065.927.645</u>

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662.000.000.000 VND, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600.000.000.000 VND được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 VND, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 VND.

Như đã trình bày tại thuyết minh tại thuyết minh số 19, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11.

(ii) Dự án Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn Thị xã An Khê và vùng phụ cận tỉnh Gia Lai, công suất 9.300 m³/ngày đêm. Trong kỳ, Công ty đã chuyển giao dự án cho Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê quản lý và tiếp tục xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	2.550.000.000	-	(i)	2.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	49.500.000.000	-	(i)	49.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	105.000.000.000	-	(i)	105.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	321.174.000.000	-	(i)	321.174.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ	9.537.112.650	-	(i)	7.622.112.650	-	(i)
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	10.200.000.000	-	(i)	10.200.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	12.000.000.000	-	(i)	2.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai (*)	121.176.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (**)	170.000.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Cộng	801.137.112.650	-		498.046.112.650	-	

(*) Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận sổ cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

(**) Ngày 3 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập Công TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, vốn điều lệ là 240 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty đã góp 170 tỷ vốn điều lệ.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con của Công ty không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	-	(i)	119.659.788.611	-	(i)
Công ty liên kết vào Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (*)	-	-	(i)	21.435.500.000	-	(i)
Cộng	119.659.788.611	-		141.095.288.611	-	

(*) Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ 1.432.900 cổ phần đang nắm giữ trong Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa trị giá 21.435.500.000 VND.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

c. Đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	51.284.800.000	-	(i)	51.284.800.000	-	(i)
Cộng	194.438.195.000	-		194.438.195.000	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	46.069.912.740	46.069.912.740	100.762.504.540	100.762.504.540
Công ty CII E&C	39.946.135.594	39.946.135.594	75.156.687.257	75.156.687.257
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	5.864.619.528	5.864.619.528	5.216.072.973	5.216.072.973
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	2.883.732.143	2.883.732.143	3.246.767.762	3.246.767.762
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	8.232.619.003	8.232.619.003	1.083.007.713	1.083.007.713
Các nhà cung cấp khác	6.297.933.945	6.297.933.945	9.805.626.085	9.805.626.085
Cộng	109.294.952.953	109.294.952.953	195.270.666.330	195.270.666.330

Trong đó, phải trả cho người bán là các bên liên quan

Công ty CII E&C	39.946.135.594	39.946.135.594	75.156.687.257	75.156.687.257
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	5.864.619.528	5.864.619.528	5.216.072.973	5.216.072.973
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	1.672.060.775	1.672.060.775	1.672.060.775	1.672.060.775
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	587.860.000	587.860.000	587.860.000	587.860.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	163.527.232	1.048.627.302	1.154.834.191	57.320.343
Các khoản phí và lệ phí	98.653.561	1.023.227.848	917.617.089	204.264.320
Cộng	262.180.793	2.071.855.150	2.072.451.280	261.584.663

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	11.625.487.721	11.951.403.361
Trích trước chi phí dự án	2.701.045.293	3.701.045.293
Các khoản trích trước khác	150.670.000	423.200
Cộng	14.477.203.014	15.652.871.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09 a -DN

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	833.789.000
Bảo hiểm xã hội	3.000.000	364.395.725
Cổ tức phải trả	16.500.000	16.500.000
Các khoản phải trả khác	25.059.622	31.289.653
Cộng	878.348.622	1.245.974.378
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi (i)	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (ii)	170.000.000.000	-
	800.000.000.000	630.000.000.000
<i>Trong đó, Phải trả khác các bên liên quan</i>		
Phải trả Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro	630.000.000.000	630.000.000.000
Phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	170.000.000.000	-

(i) Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận như đã trình bày tại Thuyết minh số 13. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia dự án. Công ty và Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi được phân chia lợi nhuận từ dự án với tỷ lệ lần lượt là 0,1% và 99,9%. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại dự án cho Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi vận hành và hoạt động không muộn hơn 3 năm sau ngày hiệu lực hợp đồng. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

(ii) Đây là số tiền mà Công ty nhận được theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 3 tháng 1 năm 2017 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ tìm kiếm các công ty mục tiêu hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

	01/01/2017		Phát sinh trong năm		30/06/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (i)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	18.200.000.000	41.800.000.000	41.800.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	9.000.000.000	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
Cộng	73.000.000.000	73.000.000.000	-	31.200.000.000	41.800.000.000	41.800.000.000
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20.b)	15.260.238.095	15.260.238.095			45.780.714.286	45.780.714.286
Tổng cộng	88.260.238.095	88.260.238.095			87.580.714.286	87.580.714.286

(i) Khoản vay HDBank theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2774/HĐTDNH-DN/068 ngày 14 tháng 7 năm 2016. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/16-HDĐT-SGW ngày 16 tháng 5 năm 2016. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khung ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng 409.114 Cổ phần Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức và 6.310.400 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An do Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro nắm giữ để thế chấp khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	01/01/2017		Phát sinh trong năm		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	thanh toán VND	VND	VND	VND	thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (i)	640.930.000.000	640.930.000.000	-	-	640.930.000.000	640.930.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(15.260.238.095)	(15.260.238.095)	-	-	(45.780.714.286)	(45.780.714.286)
Cộng	625.669.761.905	625.669.761.905	-	-	595.149.285.714	595.149.285.714
Trái phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. HCM (ii)	380.000.000.000	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí phát hành	(3.646.500.000)	(3.646.500.000)	(244.912.980)	(474.562.980)	(3.416.850.000)	(3.416.850.000)
Cộng	376.353.500.000	376.353.500.000	(244.912.980)	(474.562.980)	376.583.150.000	376.583.150.000
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Cộng	376.353.500.000	376.353.500.000	(244.912.980)	(474.562.980)	376.583.150.000	376.583.150.000
Tổng cộng	1.002.023.261.905	1.002.023.261.905	(244.912.980)	(474.562.980)	971.732.435.714	971.732.435.714

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	45.780.714.286	15.260.238.095
Trong năm thứ hai	122.081.904.762	61.040.952.381
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	183.122.857.143	183.122.857.143
Sau năm năm	289.944.523.810	381.505.952.381
Cộng	640.930.000.000	640.930.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(45.780.714.286)	(15.260.238.095)
Số phải trả sau 12 tháng	595.149.285.714	625.669.761.905

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

(ii) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Cù Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty TNHH;

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Tổng mệnh giá VND
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty CP Giải pháp Mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000

Ngoài ra Công ty đã thế chấp phần vốn góp với giá trị là 321,174 tỷ đồng trong Công ty CP Cấp thoát Nước Cù Chi để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi	<u>540.000.000.000</u>	<u>600.000.000.000</u>

Số dư khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là số tiền mà Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không hoàn lại cho Công ty theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào thu nhập khác trong vòng 5 năm, năm 2017 là năm phân bổ đầu tiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	583.700.000.000	119.923.034.000	2.342.139.270	74.655.750.599	780.620.923.869
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	129.165.466.334	129.165.466.334
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.950.771.506	(5.950.771.506)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.950.771.506)	(5.950.771.506)
Tại ngày 01/01/2017	583.700.000.000	119.923.034.000	8.292.910.776	191.919.673.921	903.835.618.697
Tăng vốn trong kỳ	61.460.000.000	42.407.400.000	-	-	103.867.400.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(9.869.670.996)	(9.869.670.996)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.674.200.470	(1.674.200.470)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.674.200.470)	(1.674.200.470)
Tại ngày 30/06/2017	645.160.000.000	162.330.434.000	9.967.111.246	178.701.601.985	996.159.147.231

Tại ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016. Theo đó, Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức năm 2016.

Cổ phần

	30/06/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá Cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty mẹ	326.547.500.000	326.547.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	318.612.500.000	257.152.500.000
Cộng	645.160.000.000	583.700.000.000

Trong kỳ, Công ty đã phát hành bổ sung 6.146.000 cổ phiếu riêng lẻ (tương ứng 61.460.000.000 VND) cho nhà đầu tư chiến lược là Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. theo theo Nghị quyết số 01 Đại hội đồng cổ đông thường năm 2016 ngày 21 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 08 Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 5 năm 2017, tăng vốn điều lệ từ 583.700.000.000 VND lên 645.160.000.000 VND.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu cung cấp nước sạch	9.538.755.337	3.791.557.056
Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	500.000.000	177.381.818
Cộng	10.038.755.337	3.968.938.874
<i>Trong đó, doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	500.000.000	-

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	32.321.337.251	3.614.321.341
Giá vốn hoạt động tư vấn	-	133.513.360
Cộng	32.321.337.251	3.747.834.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.364.052.000	123.861.024.832
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	7.219.820.000	12.259.416.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.472.477.826	7.693.260.222
Cộng	18.056.349.826	143.813.701.054

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	49.783.045.421	2.188.888.888
Chi phí phát hành trái phiếu	219.797.368	
Chi phí tài chính khác	491.899.255	66.221.764
Cộng	50.494.742.044	2.255.110.652

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	1.911.161.623	1.278.825.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	472.023.246	-
Các khoản chi phí khác	466.283.776	139.118.920
Cộng	2.849.468.645	1.417.944.905

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	6.618.205.411	2.839.922.991
Các khoản chi phí khác	5.259.550.275	2.903.101.504
Cộng	11.877.755.686	5.743.024.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập từ khoản hỗ trợ của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh (xem thêm tại thuyết minh số 20)	60.000.000.000	-
Các khoản khác	4.410.182	93.383.876
Cộng	60.004.410.182	93.383.876

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.869.670.996)	134.618.725.415
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.364.052.000)	(123.861.024.832)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(7.364.052.000)</i>	<i>(123.861.024.832)</i>
Thu nhập chịu thuế	(17.233.722.996)	10.757.700.583
Lỗ tính thuế mang sang	-	(10.757.700.583)
Thu nhập tính thuế	(17.233.722.996)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong kỳ Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.441.669.158	1.047.695.050
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	9.959.577.602	5.580.525.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.152.797.922	345.408.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.698.412	3.115.564.569
Các khoản chi phí khác	5.952.818.488	819.610.868
Cộng	47.048.561.582	10.908.804.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau, theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công : Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.
Bộ phận kinh doanh nước sạch : Cung cấp nước sạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Chi tiêu	Tư vấn, thi công công trình VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	500.000.000	9.538.755.337	-	10.038.755.337
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu	500.000.000	-	-	10.038.755.337
Chi phí				
Chi phí giá vốn cung cấp ra bên ngoài	-	32.321.337.251	-	32.321.337.251
Chi phí giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng chi phí	-	32.321.337.251	-	32.321.337.251
Kết quả kinh doanh bộ phận	500.000.000	(32.321.337.251)	-	(22.282.581.914)
Doanh thu hoạt động tài chính				18.056.349.826
Chi phí hoạt động tài chính				50.494.742.044
Chi phí bán hàng				2.849.468.645
Chi phí quản lý doanh nghiệp				11.877.755.686
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				(69.448.198.463)
Thu nhập khác				60.004.410.182
Chi phí khác				425.882.715
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Tổng lợi nhuận sau thuế				(9.869.670.996)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công công trình VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	177.381.818	3.791.557.056	-	3.968.938.874
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu	177.381.818	-	-	3.968.938.874
Chi phí				
Chi phí giá vốn cung cấp ra bên ngoài	133.513.360	3.614.321.341	-	3.747.834.701
Chi phí giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng chi phí	133.513.360	3.614.321.341	-	3.747.834.701
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.868.458	(3.614.321.341)	-	221.104.173
Doanh thu hoạt động tài chính				143.813.701.054
Chi phí hoạt động tài chính				2.255.110.652
Chi phí bán hàng				1.417.944.905
Chi phí quản lý doanh nghiệp				5.743.024.495
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				134.618.725.175
Thu nhập khác				93.383.876
Chi phí khác				93.383.636
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Tổng lợi nhuận sau thuế				134.618.725.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và thưởng	1.061.201.462	1.532.491.154

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Ngày 1 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 7 năm 2017, thay đổi vốn điều lệ từ 583.700.000.000 VND lên 645.160.000.000 VND.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 8 năm 2017


Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng
Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc